

# Vận dụng các nguyên tắc của Basel để đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ trong kiểm toán báo cáo tài chính ngân hàng thương mại

II VŨ THUY LINH

(Học viện Tài chính)



**T**rong ngân hàng, hệ thống kiểm soát nội bộ là toàn bộ những chính sách được thực hiện ở một vài thời điểm mà được vận hành liên tục ở tất cả mọi cấp độ trong ngân hàng. Mục tiêu của kiểm soát nội bộ nhằm sử dụng có hiệu quả tài sản và các nguồn lực khác; hạn chế rủi ro, đảm bảo sự phối hợp cùng làm việc của toàn bộ nhân viên trong ngân hàng để đạt được hiệu năng và sự nhất quán, tránh được những chi phí không đáng có cũng như đạt các lợi ích khác lên trên lợi ích của ngân hàng. Vì vậy, trách nhiệm

của các nhà quản lý ngân hàng là phải xây dựng, duy trì và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu quả nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra. Một trong những tài liệu hữu ích của các nhà quản trị là thực hiện 13 nguyên tắc cơ bản của Ủy ban Basel (Ủy ban về giám sát ngân hàng được thành lập năm 1975) về xây dựng và đánh giá cơ chế kiểm soát nội bộ ngân hàng. Trong các cuộc kiểm toán báo cáo tài chính các ngân hàng thương mại, để đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, các kiểm toán viên có thể tham khảo và vận dụng các nguyên tắc trên để thu thập bằng chứng về hiệu lực kiểm soát trong ngân hàng.

Các nguyên tắc trên được chia thành 5 nhóm ứng với các yếu tố cấu thành của hệ thống kiểm soát

nội bộ ngân hàng, bao gồm: trách nhiệm của ban giám đốc và môi trường kiểm tra (môi trường kiểm soát chung), nhận biết và đánh giá rủi ro, các biện pháp kiểm tra và phân chia trách nhiệm, thông tin và liên lạc, giám sát và khắc phục thiếu sót.

Nhóm thứ nhất về môi trường kiểm soát chung gồm có nguyên tắc 1, 2 và 3. Trong đó nêu rõ trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc ngân hàng trong việc xây dựng một môi trường kiểm tra để nhận biết, đánh giá, giám sát, và hạn chế các rủi ro cơ bản mà ngân hàng gặp phải. Với các nguyên tắc này, kiểm toán viên hoàn toàn có thể đánh giá được quan điểm, phong cách và nhận thức của ban lãnh đạo ngân hàng trong việc điều hành cơ chế kiểm soát nội bộ. Cụ thể, Hội đồng quản trị có phải là cấp quản lý cao nhất chịu trách nhiệm về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ; Ban giám đốc có thực thi các chiến lược mà Hội đồng quản trị đề ra; có thiết lập một cơ cấu tổ chức với sự phân chia trách nhiệm rõ ràng và đảm bảo việc thực hiện được thông suốt ở mọi cấp trong ngân hàng; Chính sách về nguồn nhân lực, có sự khuyến khích và gắn kết các nhân viên vào quá trình kiểm tra nội bộ, giúp họ hiểu được vai trò và tầm quan trọng trong hoạt động kiểm soát nội bộ ngân hàng; Đánh giá về phương pháp truyền đạt và kiểm soát thông tin; Các áp

lực đối với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc trong quản lý và điều hành... Tìm hiểu về môi trường kiểm soát trong ngân hàng chỉ là điều kiện cần để đánh giá tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ. Các kiểm toán viên có thể điều tra, phỏng vấn ban quản lý ngân hàng và các nhân viên thông qua những bảng câu hỏi đã thiết lập sẵn. Đồng thời thảo luận và xem xét tài liệu của kiểm toán viên nội bộ trong ngân hàng về cách thiết lập và vận hành cơ chế kiểm soát nội bộ ngân hàng...

Nhóm thứ hai về nhận biết và đánh giá rủi ro gồm có nguyên tắc 4. Theo yêu cầu của Basel, để cơ chế kiểm tra nội bộ hoạt động hiệu quả thì cần phải nhận biết và đánh giá lại những rủi ro tương đối quan trọng ảnh hưởng tới mục tiêu hoạt động của ngân hàng cũng như khả năng ngân hàng có kiểm soát được rủi ro hay không. Các rủi ro này có thể phát sinh từ bản chất các hoạt động của Ngân hàng hoặc từ sự yếu kém của hệ thống kiểm soát nội bộ. Vì vậy kiểm toán viên thường quan tâm tới khía cạnh này để đánh giá về các mục tiêu chi tiết của kiểm soát đối với báo cáo tài chính của ngân hàng trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán.

Nhóm thứ ba về các biện pháp kiểm tra và phân chia trách nhiệm gồm có nguyên tắc 5, 6. Theo đó Ngân hàng cần phải xây dựng một cơ cấu kiểm tra thoả đáng (kiểm tra mọi cấp hoạt động), cũng như có sự phân chia trách nhiệm rõ ràng ở từng lĩnh vực hoạt động cũng như từng bộ phận thực hiện nhằm ngăn chặn khả năng xảy ra sai phạm. Về phía kiểm toán viên, nhóm nguyên tắc này thực sự hữu ích trong việc đánh giá các hoạt động kiểm soát của ngân hàng. Cụ thể như đánh giá về việc thực hiện các nguyên tắc kiểm soát trong ngân hàng: nguyên tắc bắt kiểm nhiệm (giữa các chức năng: bảo vệ tài sản với kế toán, phê chuẩn với bảo vệ tài

sản, hay thực hiện nghiệp vụ với kế toán); nguyên tắc uỷ quyền, phê chuẩn; nguyên tắc phân công, phân nhiệm. Hoặc đánh giá về việc thực hiện các loại kiểm soát và thủ tục kiểm soát: kiểm soát vật chất, kiểm soát xử lý, kiểm soát quản lý và kiểm soát tổng quát. Một cơ chế kiểm tra nội bộ được xây dựng và vận hành tuân thủ các biện pháp kiểm tra và phân chia trách nhiệm thì khả năng để lọt gian lận, sai sót trong hoạt động là rất ít. Từ đó kiểm toán viên có thể đặt lòng tin ban đầu vào hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ ngân hàng và đi sâu vào các khảo sát chi tiết về kiểm soát.

Nhóm thứ tư về thông tin và liên lạc gồm có nguyên tắc 7, 8, 9. Trong hoạt động ngân hàng, vấn đề thông tin đóng vai trò vô cùng quan trọng. Nhưng do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, dẫn đến thông tin không cân xứng, làm rủi ro trong kinh doanh ngân hàng là rất lớn. Vì vậy nguyên tắc 7, 8, 9 của Basel yêu cầu Ngân hàng phải có các hệ thống thông tin nội bộ và thị trường phù hợp, chính xác, cập nhật, dễ hiểu và thống nhất. Yếu tố quyết định trong hoạt động ngân hàng là thiết lập và duy trì hệ thống thông tin quản lý bao trùm hoạt động ngân hàng, xây dựng các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin và hướng dẫn mọi nhân viên về trách nhiệm khi sử dụng và bảo vệ thông tin. Trong cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, đánh giá hệ thống thông tin kế toán là một nội dung quan trọng. Từ quy trình quản lý thông tin sẵn có của ngân hàng, kiểm toán viên có thể đánh giá quá trình ghi nhận, phân loại, tính toán, xử lý và tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế và số dư tài khoản phát sinh trong hoạt động ngân hàng. Đồng thời xem xét việc tổ chức hệ thống chứng từ, sổ kế toán, tài khoản kế toán, cũng như báo cáo kế toán có tuân thủ các quy định liên quan. Thông thường kiểm toán viên sẽ phân chia thành từng

mảng hoạt động như: tiền gửi, cho vay và đầu tư, thanh toán, kinh doanh ngoại tệ, các hoạt động ngoại bảng, ...và xem xét các chính sách, thủ tục kiểm soát thiết lập đến từng hoạt động. Điều này là quan trọng để thu thập bằng chứng về các khía cạnh của cơ sở dẫn liệu liên quan từng hoạt động chính của ngân hàng.

Nhóm thứ năm về giám sát và khắc phục thiếu sót gồm có nguyên tắc 10, 11, 12, 15. Theo Ủy ban giám sát ngân hàng, việc giám sát những rủi ro phải là hoạt động thường xuyên của ngân hàng, trong đó bộ phận kiểm toán nội bộ là phần quan trọng trong cơ chế kiểm tra nội bộ. Các thiếu sót xảy ra cần phải có sự thông báo kịp thời tới các cấp lãnh đạo liên quan. Mọi ngân hàng đều phải xây dựng một cơ chế kiểm tra nội bộ hữu hiệu, phù hợp và thích ứng với sự thay đổi trong và ngoài ngành. Trong cuộc kiểm toán độc lập, nhờ có nhóm nguyên tắc này kiểm toán viên có thể đánh giá về khả năng phản ứng của hệ thống kiểm soát nội bộ ngân hàng trước sự thay đổi của môi trường. Qua đó xác định kiểm soát nội bộ ngân hàng có vận hành đúng như thiết kế hay không và có cần phải sửa đổi cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của ngân hàng không; nhận xét về khả năng ngăn chặn sai phạm của hệ thống kiểm soát nội bộ để dự kiến hoặc điều chỉnh nội bộ kiểm soát và phạm vi của các thủ nghiệm cần thực hiện.

Như vậy việc vận dụng các nguyên tắc của Basel để đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ trong kiểm toán độc lập báo cáo tài chính ngân hàng thương mại là việc làm cần thiết trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Nó là nguồn bằng chứng quan trọng cho kiểm toán viên khi đánh giá hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trong ngân hàng. Từ đó làm giảm thời gian, chi phí và tăng tính hiệu quả cho cuộc kiểm toán báo cáo tài chính các ngân hàng. **KT**